

PHÁT NGÔN CÓ VỊ TỪ TÁC ĐỘNG DỜI CHUYỂN TRONG TIẾNG VIỆT

ĐỖ THỊ HIỀN *

Tóm tắt: Phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển là phát ngôn có trung tâm là vị từ biểu thị sự tác động của một chủ thể vào một đối tượng nào đó khiến đối tượng đó thay đổi vị trí trong không gian. Đây là một trong những phát ngôn được sử dụng sớm nhất và nhiều nhất trong cuộc sống của con người. Bài viết này sẽ đi vào khảo sát phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển dưới ánh sáng của ngữ pháp học chức năng hệ thống trên ba bình diện vừa độc lập vừa tương tác lẫn nhau: kết học, nghĩa học và dụng học.

Từ khóa: Ngữ pháp chức năng hệ thống, phát ngôn, kết học, nghĩa học, dụng học, vị từ.

Abstract: The utterances of which the central predicates are the donating-receiving ones manifest donate-received events. These utterances are rather widely and early used in the human life. The article examines these utterances under the perspective of systemic functional grammar in three independent and interactive aspects: syntactics, semantics and pragmatics.

Keywords: Systemic functional grammar, utterances, syntactics, semantics, pragmatics, predicates.

1. Đặt vấn đề

Vị từ tác động dời chuyển (VTĐDC) là một trong số các nhóm từ vựng cơ bản của ngôn ngữ. Sự đa dạng về nghĩa của vị từ (VT), số lượng tham thể thể hiện các đối tượng tham gia sự tình trao nhận, vai nghĩa, tư cách, quan hệ, đặc trưng, ... của các tham thể đó trong cấu trúc nghĩa của phát ngôn

có vị từ trao nhận giúp nhóm vị từ này có tính đại diện cao cho các vị từ đa trị.

Khi xem xét nhóm VTĐDC, chúng tôi không xem xét chúng ở dạng cô lập trong từ điển mà muốn xem xét chúng trong hoạt động hành chức của ngôn ngữ. Vì chỉ có như vậy mới lột tả hết được những đặc trưng về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của nhóm vị từ tiêu biểu này. Chính vì vậy, bài viết này sẽ khảo sát các phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển trong tiếng Việt dưới ánh sáng của ngữ pháp học chức năng trên cả ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết ba bình diện nghiên cứu câu

Là một lý thuyết và hệ thống phương pháp được xây dựng trên quan điểm coi ngôn ngữ như một công cụ thực hiện tương tác xã hội giữa người với người, ngữ pháp chức năng tỏ ra ưu thế so với ngữ pháp hình thức khi không chỉ chú ý đến mặt hình thức mà còn chú ý đến mặt chức năng của ngôn ngữ. Với ngữ pháp chức năng, các hiện tượng ngôn ngữ đã được xem xét trên ba bình diện vừa độc lập, vừa có mối quan hệ mật thiết với nhau là ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

* TS - Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Email: dothihiensp2@gmail.com

Mô hình lý thuyết ba bình diện này vốn có nguồn gốc từ sự phân biệt ba lĩnh vực khác nhau của tín hiệu do Ch. W. Morris (1938) khởi xướng. Vận dụng lý thuyết tín hiệu học của Ch. W. Morris vào ngôn ngữ, các nhà ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt là các nhà ngữ pháp chức năng, đã cho rằng ngôn ngữ cũng là một hệ thống tín hiệu và câu là sản phẩm được tạo ra bởi sự kết hợp các tín hiệu ngôn ngữ với nhau theo một quy tắc nhất định, cho nên câu cũng cần được xem xét trên ba bình diện: kết học - nghĩa học - dụng học. Và câu chính là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ mà ở đó cả ba bình diện được thể hiện. Đây là bước tiến và là sự khác biệt giữa quan niệm của ngữ pháp truyền thống (vốn chỉ xem xét câu ở bình diện kết học - ngữ pháp hình thức) với quan niệm của ngữ pháp chức năng. Có thể nói, thành tựu lớn nhất của ngữ pháp chức năng là đã phân định được ba bình diện kết học (ngữ pháp) - nghĩa học (ngữ nghĩa) - dụng học (ngữ dụng) một cách vừa độc lập lại vừa tương tác lẫn nhau.

2.2. Câu và phát ngôn

Theo lý thuyết ba bình diện của tín hiệu ngôn ngữ nói chung và của câu nói riêng, ngôn ngữ học có thể và cần phải quan tâm đến cả bình diện ngữ nghĩa và bình diện ngữ dụng. Với sự quan tâm như vậy, sẽ xuất hiện một mối tương quan mới: tương quan giữa một đơn vị trừu tượng, ở trạng thái tĩnh, trạng thái chưa hành chức, chưa tham gia vào hoạt động giao tiếp, với sản phẩm của sự hiện thực hóa chính nó trong hoạt động giao tiếp. Bên cạnh khái niệm *câu* còn có khái niệm *phát ngôn*. Có thể xác định tương quan giữa *câu* và *phát ngôn* thông qua các phương diện sau:

Câu thuộc hệ thống cấu trúc của ngôn ngữ, còn *phát ngôn* thuộc hoạt động hành

chức của ngôn ngữ (chủ yếu là hoạt động giao tiếp). *Câu* là đơn vị thiên về hình thức cấu trúc, nên mang đặc tính trừu tượng, khái quát, có thể tồn tại ở nhiều hoạt động giao tiếp, còn *phát ngôn* là sự hiện thực hóa cụ thể của câu.

Như vậy, *câu* và *phát ngôn* có mối liên hệ mật thiết với nhau. *Câu* chính là cơ sở để tạo nên phát ngôn và ngược lại, *phát ngôn* chính là sự hiện thực hóa, tình thái hóa của câu. Trong bài viết này, khái niệm *phát ngôn* được hiểu là sự biểu hiện cụ thể của *câu* trong hoạt động giao tiếp.

2.3. Khái niệm công cụ

2.3.1. Khái niệm vị từ tác động dời chuyển

VTTĐDC là một tiểu loại vị từ thuộc nhóm vị từ ba diễn tố (vị từ có bản chất từ vựng - ngữ pháp quy định một bộ gồm ba vai nghĩa có tính chất bắt buộc tạo thành diễn tri hay khung diễn tố của nó). VTTĐDC là những vị từ chỉ những hành động tác động gây nên sự dời chuyển có đích/nguồn của đối tượng bị tác động. Sự tác động của chủ thể lên vật thể làm vật thể bị tác động có thể di chuyển theo hai hướng: dời chuyển đến một vị trí xác định (dời chuyển có đích) hoặc dời chuyển khỏi một vị trí xác định (dời chuyển có nguồn). VTTĐDC chưa được nhắc đến với tên gọi này và cũng chưa được nghiên cứu chuyên sâu ở bất kỳ công trình khoa học nào.

Từ khái niệm trên, chúng ta xác định được tiêu chí để nhận diện VTTĐDC như sau:

- VTTĐDC là vị từ có ba diễn tố.
- VTTĐDC là vị từ chỉ những hành động tác động gây nên sự dời chuyển có đích/nguồn của đối tượng bị tác động.

Như vậy, khi xác định VTTĐDC cần kết hợp cả ý nghĩa từ vựng - ngữ pháp của bản thân vị từ đó và cấu trúc ngữ nghĩa mà vị từ

đó làm trung tâm. Cho nên, trong quá trình xác định, phân tích, lý giải, chúng tôi sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu tiêu biểu như: phân tích ngữ cảnh; phương pháp miêu tả (thủ pháp phân tích ngữ trị); phương pháp phân tích cú pháp.

Sự tác động của chủ thể lên vật thể làm vật thể bị tác động có thể có hai khả năng:

- Dời chuyển đến một vị trí xác định (dời chuyển có đích). Ví dụ: (1) Y quăng chai rượu vỡ xuống ruộng [7, tr. 138]. Hành động quăng của y tác động vào vật chai rượu vỡ làm cho nó di chuyển có hướng (xuống) tới điểm đích ruộng.

- Dời chuyển khỏi một vị trí xác định (dời chuyển có nguồn). Ví dụ: (2) Các chiến sĩ công an lôi từ trong tay nải của các cô gái nạn nhân những bánh bột trắng và cho Ngón Trọc ném thử [5, tr. 539]. Hành động lôi của các chiến sĩ công an tác động vào vật những bánh bột trắng làm cho vật dời chuyển khỏi điểm nguồn tay nải của các cô gái nạn nhân.

* Phân biệt vị từ tác động dời chuyển đối tượng với vị từ dời chuyển (VTDC):

Vị từ Đặc điểm	Vị từ tác động dời chuyển <u>Y quăng chai rượu vỡ xuống ruộng</u> .	Vị từ dời chuyển <u>Lá vàng rụng xuống gốc cây</u> .
[± Động]	[+ Động]	[- Động]
[± Chủ ý]	[+ Chủ ý]	[- Chủ ý]
[± Tác động]	[+ Tác động]	[- Tác động]
Diễn tố	3 diễn tố	2 diễn tố

Như vậy, sự khác nhau căn bản giữa vị từ tác động dời chuyển với vị từ dời chuyển chính là ở số lượng các diễn tố xoay quanh. Từ đó dẫn đến bản chất ngữ pháp - ngữ nghĩa của các vị từ đó cũng khác nhau. Cụ thể, VTTĐDC có 3 diễn tố (chủ thể của hành động, đối thể của hành động và đích của hành

động) và bao gồm các đặc điểm [+ Động], [+ Chủ ý] và [+ Tác động]; trong khi đó VTDC chỉ có 2 diễn tố (chủ thể của hành động và đích của hành động), và bao gồm các đặc điểm [- Động], [- Chủ ý] và [- Tác động].

2.3.2. Khái niệm phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển

Các vị từ tác động dời chuyển khi được hiện thực hóa trong phát ngôn sẽ tạo ra phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển.

Phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển là phát ngôn phản ánh sự tình tác động dời chuyển, đó là sự tình trong đó một chủ thể tác động lên một đối tượng làm cho đối tượng đó thay đổi vị trí ban đầu.

Nói cách khác, phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển là phát ngôn có nòng cốt biểu thị sự tình tác động dời chuyển.

2.4. Cấu trúc cú pháp cơ sở của phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển

Qua khảo sát các phát ngôn trong những văn bản văn học và trong đời sống hàng ngày, chúng tôi thống kê được các vị từ tác động dời chuyển sau:

- Diễn dạng: đặt, đem, quăng, quăng, luồn, bỏ, đưa, liệng, rước, giắt, cắt, ấn, dúi, gánh, ném, đẩy, phi, bê, nhét, xách, ôm, ẩy, đổ, phun, vùi, trút, kéo, bế, thả, lôi, đặt, gí, giấu, dúi, phóng, moi, chớ, rút, vớt, cho, để, chĩa, dúi, nhét, đút, mang, đem, cắt, bỏ, vác, gior, tha, treo, rải, tung, chuyển, vớt, buông.

Vị từ diễn dạng là những VT trong bản thân cấu trúc nghĩa của chúng đòi hỏi ba diễn tố và chúng được sử dụng phổ biến trong giao tiếp.

Ví dụ: (3) Nhưng người ta vẫn mãi mãi **đưa**

xác hẳn vào nhà thương [7, tr. 231].

VT *đưa* với ý nghĩa “dẫn dắt, điều khiển, làm cho đi tới một nơi” trong ngữ liệu trên là trung tâm của cấu trúc tác động dời chuyển gồm chủ thể của hành động (*người ta*), đối thể của hành động (*xác hẳn*) và đích của hành động (*nhà thương*).

- Phi diễn dạng: *chuồn, đưa, cọ*.

Vị từ phi diễn dạng là những VT ít được sử dụng với tư cách vị từ ba diễn tố (VTBDT) hoặc những VT bản thân cấu trúc nghĩa của chúng không đòi hỏi ba diễn tố nhưng chúng lại hoạt động trong phát ngôn cụ thể với tư cách như một VTBDT.

Ví dụ: (4) *Nhân lúc anh ta mãi nhận tiền của khách, tôi **chuồn** được một quyển vào túi áo (...)* [7, tr. 69].

VT *chuồn* vốn mang nghĩa “bỏ đi một cách nhanh chóng và lặng lẽ” [12, tr. 253]

nhưng trong ví dụ trên lại được dùng với nghĩa một chủ thể (*tôi*) dời chuyển một vật (*một quyển*) tới một vị trí (*túi áo*) một cách nhanh chóng, lặng lẽ.

Mỗi loại vị từ đặc trưng cho một kiểu sự tình, mỗi kiểu sự tình được đặc trưng bởi một kiểu cấu trúc khác nhau (khác nhau cả về nội dung sự tình và các yếu tố tham gia vào sự tình). VTTĐDC đặc trưng cho sự tình tác động dời chuyển. Cấu trúc của sự tình này bao gồm: VTTĐDC (nội dung sự tình), ba tham thể bắt buộc (các yếu tố tham gia vào sự tình) và một số chu cảnh liên quan đến sự tình. Khi được phản ánh vào phát ngôn, phát ngôn có VTTĐDC có VTTĐDC làm trung tâm, ba tham thể bắt

buộc sẽ được hiện thực hóa thành các chức năng cú pháp: chủ ngữ (CN) và hai bổ ngữ (BN). Các chức năng cú pháp này gắn với những chức năng nghĩa nhất định và được sắp xếp theo trật tự ổn định làm thành cấu trúc cú pháp của cơ sở của phát ngôn có vị từ trao nhận như sau:

CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTTĐDC	DT2	DT3

(CTCP: cấu trúc cú pháp; CTNBH: cấu trúc nghĩa biểu hiện; DT: Diễn tố)

Ví dụ:

(5)	<i>(Nhưng) người ta</i>	<i>vẫn mãi muốt đưa</i>	<i>xác hẳn</i>	<i>vào nhà thương.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTTĐDC	DT2	DT3

Ngoài các thành tố nòng cốt là vị từ trung tâm và ba diễn tố, phát ngôn có VTTĐDC còn có thể có thêm các chu tố trong vai trò các chức năng cú pháp khác nhau như: trạng ngữ, bổ ngữ, vị ngữ phụ. Ví dụ:

(6)	<i>Nhân lúc anh ta mãi nhận tiền của khách,</i>	<i>tôi</i>	<i>chuồn</i>	<i>một</i>	<i>vào túi áo (...).</i>
	<i>nhận tiền của khách,</i>		<i>được</i>	<i>quyển</i>	
CTCP	TN	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	CT: TG	DT1	VTTĐDC	DT2	DT3

(TN: trạng ngữ; CT: chu tố; TG: thời gian)

2.5. Cấu trúc ngữ nghĩa của phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển

2.5.1. Cấu trúc ngữ nghĩa cơ sở của phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển

Vị từ tác động dời chuyển là vị từ thuộc nhóm vị từ ba diễn tố (tam trị), tức là các vị từ luôn đòi hỏi ba tham thể bắt buộc để diễn đạt trọn vẹn sự tình. Nói đến sự tác động dời chuyển là luôn luôn đòi hỏi phải có một chủ thể tác động (chủ thể thực hiện hành động), một đối tượng bị tác động (đối thể chỉ vật chịu tác động) và đích/nguồn (địa điểm).

Từ đó có thể khái quát được cấu trúc nghĩa biểu hiện cơ sở của các vị từ trao nhận (VTTN): DT1 - VTTN - DT2 - DT3. Trong đó, DT1 chỉ chủ thể thực hiện hành động tác động, DT2 chỉ đối tượng chịu tác động, DT3 chỉ đích/nguồn.

2.5.2. Vai nghĩa của các diễn tố

- DT1 thể hiện người/vật thực hiện hành động tác động vào một đối tượng có thể đảm nhận những vai nghĩa:

+ Vai tác thể: (7) **Sinh** đặt chai rượu dâu lên mặt chõng (...) [7, tr. 146].

+ Vai nguồn: Vai nguồn được hiểu rất rộng, có thể là điểm xuất phát trong lộ trình dịch chuyển của vật ban phát: (8) Người ta quăng vào rá nó đồng xu [8, tr. 172].

Trong các ví dụ trên, diễn tố *người ta* đảm nhận vai nguồn với ý nghĩa là điểm xuất phát trong lộ trình dịch chuyển của các vật thể *đồng xu*. Lộ trình của vật ấy xuất phát từ điểm nguồn là *người ta* để di chuyển đến điểm đích là *rá nó*. Lộ trình dịch chuyển của *đồng xu* trong ví dụ trên là một lộ trình mang tính trừu tượng cao.

Nguồn cũng có thể là điểm xuất phát trong lộ trình di chuyển của một vật thể trừu tượng. Ví dụ:

(9) *Thành ra, hấn lại trút mọi tội lỗi lên đầu Hoa bằng những lời lẽ và hành động tàn bạo và ngôn ngữ miệt thị thô bỉ nhất* [5, tr. 194].

- DT2 thể hiện vật chịu tác động trực tiếp của hành động dời chuyển, có thể đảm nhận những vai nghĩa:

+ Vai đối thể: (10) *Hấn (...) luôn cái ví vào túi (...)* [7, tr. 199].

+ Vai tạo thể: đối tượng chịu tác động dời chuyển không phải là một vật có sẵn mà được tạo ra trong quá trình dời chuyển: (11)

Lão phóng trái đấm to bằng quả bưởi sắn vào mặt chàng [1, tr. 108].

- DT3 thể hiện địa điểm mà đối tượng chịu tác động dời chuyển di chuyển tới (đích) hoặc từ địa điểm đó di chuyển (nguồn), thường được cấu tạo từ một tổ hợp bao gồm [một quan hệ từ + một danh từ]. DT3 có thể đảm nhận những vai nghĩa:

+ Vai địa điểm: (12) *Dương đặt vào lòng My một xấp quần áo thơm như mùi táo* [4, tr. 99].

+ Vai đích: DT2 chịu sự tác động của DT1 và dời chuyển đến một vị trí mới. Nếu coi sự di chuyển của DT2 là một lộ trình thì DT3 chỉ vị trí mà DT2 di chuyển tới sẽ đảm nhiệm vai đích của hành trình đó. (13) *Ông Xung bê đồ ăn ra hiên* [4, tr. 79]. Ở ví dụ (13), *đồ ăn* chịu tác động dời chuyển *bê* của chủ thể *ông Xung* và di chuyển từ một nơi nào đó đến vị trí đích là *hiên*.

+ Vai nguồn: Lộ trình di chuyển của DT2 cũng có thể là lộ trình dời khỏi vị trí ban đầu. Lúc này, DT3 đóng vai nguồn tức là điểm xuất phát trong lộ trình của DT2.

(14) *Các chiến sĩ công an lôi từ trong tay nải của các cô gái nạn nhân những bánh bột trắng (...)* [5, tr. 539]. Trong ví dụ (14), lộ trình của DT2 *những bánh bột trắng* di chuyển từ vị trí nguồn *tay nải của các cô gái nạn nhân* đến một vị trí mới nào đó.

+ Vai đắc lợi thể với ý nghĩa được hưởng một quyền lợi nào đó qua hành động ban phát:

(15) *Dương dúm vào tay My một cuộn tiền (...)* [4, tr. 111].

+ Vai thụ thể với ý nghĩa phải chịu tổn hại:

(16) *Á liên tục phun vào tôi hàng loạt tia nọc* [11, tr. 230].

2.6. Sự hiện thực hóa cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa của vị từ tác động dời chuyển trong phát ngôn

2.6.1. Khả năng hiện diện của các yếu tố

2.6.1.1. Khả năng hiện diện đầy đủ

Ở khả năng này, các yếu tố trong cấu trúc nghĩa miêu tả của vị từ tác động dời chuyển bao gồm vị từ trung tâm và các diễn tố hiện diện đầy đủ trong phát ngôn và thực hiện các chức vụ cú pháp của chúng.

Ví dụ (17) [6, tr. 284]:

(17)	<i>Chú</i>	<i>đẩy</i>	<i>chén nước nhọt nhọt</i>	<i>về phía tôi.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTTĐDC	DT2	DT3

Ví dụ (18) [2, tr. 10]:

(18)	<i>Cô con gái</i>	<i>mọi</i>	<i>từ trong túi</i>	<i>một nửa chiếc bánh mì đã cứng như đá (...).</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTTĐDC	DT3	DT2

2.6.1.2. Khả năng hiện diện không đầy đủ

Như đã biết, cấu trúc nghĩa miêu tả của vị từ tác động dời chuyển bao gồm vị từ trung tâm và ba diễn tố. Nhưng trong thực tế giao tiếp, các thành tố đó có thể vắng mặt trong phát ngôn.

a. Vắng DT1

Ví dụ (19) [16, tr. 207]:

(19)	<i>Giấu</i>	<i>lá thư</i>	<i>vào ngăn kéo.</i>
CTCP	VT	BN1	BN2
CTNBH	VTTĐDC	DT2	DT3

b. Vắng DT2

Ví dụ (20) [14, tr. 33]:

(20)	<i>Sợ để nổi đố ở nhà vợ biết thì nguy,</i>	<i>ông ta</i>	<i>trút</i>	<i>vào mũ (...).</i>
CTCP		CN	VT	BN
CTNBH		DT1	VTTĐDC	DT3

2.6.2. Khả năng hiện thực hóa trong vai trò các chức năng cú pháp của diễn tố

a. Diễn tố 1

Ví dụ (21) [10, tr. 193]:

(21)	<i>Nàng</i>	<i>đặt</i>	<i>hộp quà</i>	<i>vào ngăn tủ.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTTĐDC	DT2	DT3
CTĐT	Đ	T		

(MĐ: mục đích; CTĐT: cấu trúc Đề - Thuyết; Đ: Đề; T: Thuyết)

b. Diễn tố 2

Ví dụ (22) [10, tr. 24]:

Ví dụ (23) [10, tr. 42]:

c. Diễn tố 3

Ví dụ (24) [4, tr. 26]:

Ví dụ (25) [4, tr. 336]:

3. Kết luận

Phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển là phát ngôn phản ánh sự tình tác động dời chuyển, đó là sự tình trong đó một chủ thể tác động lên một đối tượng làm cho đối tượng đó thay đổi vị trí ban đầu.

Xét về bình diện ngữ pháp: Phát ngôn có vị từ trao nhận có cấu trúc cơ sở:

CN - VT - BN1 - BN2

Xét về bình diện ngữ nghĩa: Cấu trúc nghĩa cơ sở: DT1 - VTTĐDC - DT2 - DT3 có khả năng đảm nhận các vai nghĩa của các diễn tố:

+ DT1 có thể đảm nhận các vai: tác thể, nguồn.

+ DT2 có thể đảm nhận các vai: đối thể, tạo thể.

+ DT3 có thể đảm nhận những vai nghĩa: địa điểm, đích, nguồn, đắc lợi thể, thụ thể.

(22)	<i>Phong</i>	vùi	<i>mái tóc rối của mình</i>	<i>vào hai bàn tay.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTĐDC	DT2	DT3
CTĐT	Đ	T		

(23)	<i>(...) Diệp Thu</i>	đeo	<i>vào cổ</i>	<i>chiếc USB màu xanh.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTĐDC	DT3	DT2
CTĐT	Đ	T		

(24)	<i>Họ</i>	quăng	<i>cặp, túi, ba lô</i>	<i>lên những chiếc giường tầng (...).</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT1	VTĐTN	DT2	DT3
CTĐT	Đ	T		

(25)	<i>Cậu</i>	đưa	<i>vào tay mẹ tôi</i>	<i>bốn chiếc phong bì dán kín.</i>
CTCP	CN	VT	BN1	BN2
CTNBH	DT3	VTĐ DC	DT3	DT2
CTĐT	Đ	T		

Xét về bình diện ngữ dụng: Các vai nghĩa có thể đảm nhận các chức vụ ngữ pháp tùy vào vị trí của nó trong phát ngôn. DT1 có thể đảm nhận chức vụ chủ ngữ còn DT2 và DT3 có thể đảm nhận chức vụ bổ ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tạ Duy Anh, *Người khác - Tập truyện ngắn*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.
 [2] Võ Thị Hào, *Người sót lại của rừng cười*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2005.
 [3] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
 [4] Nguyễn Thị Thu Huệ, *37 truyện ngắn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2010.
 [5] Chu Thanh Hương, *Hoa bay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010.
 [6] Lý Thị Kiều, Phan Hà Anh, Đào Nguyên, Dương Duy Ngự, Nguyễn Chí Thiện, Quang

Trinh (tuyển chọn), *Truyện ngắn đặc sắc 2012*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2012.

[7] Nam Cao - *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2005.

[8] Nguyễn Công Hoan - *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2005.

[9] Nguyễn Văn Lộc, *Kết tri của động từ tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.

[10] Nhiều tác giả, *Blog Việt tuyển chọn - Anh sẽ lại của em nhé!*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2010.

[11] Nhiều tác giả, *Truyện ngắn hay 2009*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.

[12] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2014.

[13] Trần Kim Phụng, *Các phương pháp phân tích câu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

[14] Tam Tam (tuyển chọn), *Tiểu lâm Việt Nam*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa, 2005.

[15] Nguyễn Kim Thân, *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.

[16] Nguyễn Mạnh Tuấn, *Những khoảng cách còn lại*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1984.